

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/HS-PT

Ngày: 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chân;

Ông Nguyễn Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 155/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Mộng B do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mộng B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Mộng B, sinh năm: 1973, Nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: ấp 4, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn) 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1939 (đã chết) và bà Võ Thị X, sinh năm: 1943; có vợ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1976 và 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp IV, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, lớn lên học đến lớp 3 thì nghỉ học, ở nhà làm thuê phụ giúp gia đình. Ngày 14/6/2019 Công an huyện Châu Phú ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Mộng B về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/4/2019 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Văn N, luật sư Văn phòng luật sư Trần Văn N thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

(Trong vụ án, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Được chị Nguyễn Thị L thuê cắt tỉa, uốn các cây mai nên khoảng 08 giờ ngày 05/3/2019, Nguyễn Mộng B đi bộ đến nhà chị L tại ấp Hòa Phú 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Đến nơi, Bảo mở cửa rào đi vào (cửa rào không khóa), B làm được một lúc thì ngồi nghỉ. Thấy nhà chị L đi vắng và khóa cửa ngoài, B thấy chìa khóa để trong hộc âm tường phía trước nhà nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản có giá trị để lấy trộm. B lấy chìa khóa mở cửa đi vào nhà và phát hiện trong phòng ngủ có một cái hộp màu đỏ, bên trong có 02 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng. B lấy trộm 01 sợi dây chuyền có mặt hình cây thánh giá bỏ vào túi quần rồi đóng cửa chính nhưng không khóa cửa bằng ổ khóa, B để chìa khóa lại chỗ cũ và đi về nhà. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Bảo mang sợi dây chuyền trộm được đến tiệm vàng “*Bá Khải*” thuộc khóm 2, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bán cho chị Trần Thị Kim N được 8.100.000 đồng. Đến 17 giờ cùng ngày, chị L phát hiện bị mất 01 sợi dây chuyền và nghi vấn Bảo lấy trộm nên đến Công an thị trấn An Châu, huyện Châu Thành trình báo.

Ngày 19/4/2019, B bị khởi tố điều tra.

Quá trình điều tra còn xác minh được B thực hiện 04 vụ trộm khác, trong đó 03 vụ ở huyện Châu Thành và 01 vụ ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cụ thể như sau:

Trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh An Giang:

- Vụ 1: Khoảng 08 giờ 30 phút của tháng 11/2018 không rõ ngày, B đến nhà Trần Thị H tại ấp 4, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang để dờ cái tủ dụng cụ y tế cho bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1935, mẹ của H). Trong lúc dờ tủ Bảo phát hiện có 02 tờ đô la Mỹ (USD), mỗi tờ mệnh giá 100 USD, nên Bảo đã lén lấy trộm bỏ vào túi quần. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Bảo đến Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình Mum tại ấp 4, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang bán 02 tờ USD được 4.340.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ 2: Cách vụ 01 khoảng 02 ngày, khoảng 22 giờ 30 phút, B đến trước nhà của chị H gọi điện thoại cho chị H hẹn gặp ở nhà thờ An Châu. Thấy H ra khỏi nhà, B đột nhập vào nhà rồi đi vào phòng ngủ của bà X lấy trộm 02 tờ đô la Canada (CAD), mỗi tờ mệnh giá 100 CAD và tiền Việt Nam 1.379.000 đồng. Sau đó, B đến nơi hẹn gặp chị H rồi đi về nhà. Khi về đến nhà, Hạnh kiểm tra camera phát hiện B vào nhà lấy trộm. H hỏi thì B thừa nhận đã lấy trộm tài sản và trả lại tài sản đã lấy trộm cho H.

- Vụ 3: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12/4/2019, B điều khiển xe mô tô biển số 67B2-000.02 đến nhà của ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1949) tại ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang lén lút lấy trộm 01 cái chậu hình lục giác có hoa văn màu cam, vành chậu màu xanh mang về nhà sử dụng.

Trên địa bàn huyện Châu Phú: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/4/2019, Bảo điều khiển xe mô tô biển số 67B2-000.02 đến nhà của ông Đoàn Ngọc T (sinh năm

1967) tại ấp 1, xã B huyện C, tỉnh An Giang lấy trộm 01 cái chậu hình tròn màu ngà, vành chậu màu xanh, có hoa văn hình con ngựa kéo xe màu đen mang về nhà sử dụng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67B2-000.02, loại xe Wave màu xanh, số máy RPKFM1P52FMH00028161, số khung RPKDCH2PKAH01816.

- 01 (một) cái chậu hình lục giác, màu vàng nhạt, vành chậu màu xanh, bên ngoài chậu có hoa văn màu xanh và cam, chậu đã qua sử dụng (đã trả lại cho Nguyễn Văn N).

- 01 cái chậu hình tròn màu vàng nhạt, vành chậu màu xanh, có hoa văn hình con ngựa kéo xe màu đen, vành chậu bị mẻ một bên, đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Châu Phú xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, hình chữ cong khế, dài khoảng 50cm; 01 (một) mặt dây chuyền hình thánh giá và chúa Giê-su bằng kim loại màu vàng, xung quanh có đính hột màu trắng (đã trả lại cho Nguyễn Thị L).

- Tiền Việt Nam 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó, 14 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 05 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng (đã trả lại cho Trần Thị Kim N).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 20 ngày 27/3/2019, số 42 và 43 ngày 07/5/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang:

- Một sợi dây chuyền kiểu chữ cong khế, trọng lượng 3,25 chỉ vàng 18Kra phổ 600, 01 (một) mặt dây chuyền vàng hình cây thánh giá và chúa Giê-su có trọng lượng 06 phân 08 li vàng 18Kra phổ 600. Tổng giá trị là 9.235.000 đồng.

- 01 (một) cái chậu hình lục giác, màu vàng nhạt, vành chậu màu xanh, bên ngoài chậu có hoa văn màu xanh và cam, chậu đã qua sử dụng, có giá trị là 100.000 đồng.

- 02 (hai) tờ USD mỗi tờ mệnh giá 100 đô la, tổng trị giá 4.640.000 đồng; 02 (hai) tờ CAD mỗi tờ mệnh giá 100 đô la, tổng trị giá 3.448.000 đồng. (Bút lục số 115 – 117).

Lời khai của các bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Nguyễn Thị L và Nguyễn Thiện N trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên, Loan đã nhận lại tài sản và yêu cầu xử lý Bảo theo quy định pháp luật. (Bút lục số 03 – 08, 85 – 86, 89 – 90).

- Trần Thị H trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên, Hạnh được bà Nguyễn Thị X ủy quyền giải quyết và quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án, Hạnh đã nhận lại tài sản và không yêu cầu xử lý hành vi của Bảo. (Bút lục số 93 – 94).

- Trần Thị Kim N trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên, N đã nhận lại số tiền 8.100.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường. (Bút lục số 13 – 14, 91 – 92).

- Đoàn Ngọc T và Nguyễn Văn N trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. (Bút lục số 97 – 100).

- Đặng Văn V, cho biết: Vĩnh là chủ Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình Mum chuyên kinh doanh, sản xuất, gia công, mua bán trang sức, mỹ nghệ và dịch vụ cầm đồ, Vĩnh không có trao đổi hay mua bán ngoại tệ. (Bút lục số 105 – 106).

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSCT-HS ngày 11/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quyết định truy tố để xét xử bị cáo Nguyễn Mộng B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mộng B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, i khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Mộng B 01 (một) năm tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phân xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 31/8/2019, bị cáo Nguyễn Mộng B có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ngoài việc bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, bị cáo có bổ sung xin xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện chăm sóc mẹ già và con nhỏ vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Mộng B kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, xét xử sơ thẩm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn

Mộng B giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng B 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: không có ý kiến tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, yêu cầu Hội đồng xét xử có xem xét đến việc cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là không chính xác. Vì trong vụ án này khách thể bị cáo trực tiếp xâm phạm là vật chất (tiền, vàng); hoàn toàn không tác động trực tiếp đến khách thể là quyền nhân thân của bị hại (bị cáo hoàn toàn không tác động đến cơ thể của bị hại bà X); tuy hiện tại chưa có hướng dẫn về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trên, nhưng trước đây tại điểm 26 phần 1 của Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp thắc mắc có hướng dẫn việc áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội với trẻ em – người dưới 16 tuổi khi người phạm tội trong trường hợp người phạm tội cố ý xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của trẻ em và phải hiểu được áp dụng tương tự đối với trường hợp tác động đến người già (nay được quy định rõ là người từ đủ 70 tuổi) và tại mục 2 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 05 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đã hướng dẫn áp dụng tình tiết “Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 như sau: “... Chỉ áp dụng tình tiết “phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già” đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ em, phụ nữ có thai, người già...”. Do đó, cần phải xem khách thể bị cáo trực tiếp tác động là gì để áp dụng tình tiết tăng nặng trên, việc cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” đối với bị cáo Bảo là gây bất lợi cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng này cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, có mẹ già và con nhỏ cần có sự chăm sóc của bị cáo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và thời gian qua không vi phạm pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho bị cáo được chăm sóc mẹ già, con nhỏ.

Kiểm sát viên tranh luận: Việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bỏ tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm áp dụng như bản án sơ thẩm, quyền quyết định có áp dụng hay không do Hội đồng xét xử quyết định. Về các tình tiết nhân thân của bị cáo mà người bào chữa nêu đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về ý kiến cho bị cáo được hưởng án treo thì trong vụ án này bị cáo phạm tội nhiều lần nên không thuộc trường hợp được

hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/HĐTP Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Mộng B kháng cáo trong thời hạn luật định và tại phiên tòa bị cáo có bổ sung yêu cầu xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận việc kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các bản ảnh hiện trường, bản ảnh tang vật, các kết luận định giá tài sản số 20 ngày 27/3/2019, số 42 và 43 ngày 07/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Mộng B đã có hành vi lén lút, lấy trộm 02 tờ USD mỗi tờ mệnh giá 100 đô la Mỹ, tổng trị giá 4.640.000 đồng; 02 tờ CAD mỗi tờ mệnh giá 100 đô la Canada, tổng trị giá 3.448.000 đồng, tiền Việt Nam 1.379.000 đồng của bà Nguyễn Thị X; 01 (một) sợi dây chuyền kiểu chữ cong khế, trọng lượng 3,25 chỉ vàng 18 kara phổ 600, 01 (một) mặt dây chuyền hình cây thánh giá và chúa Giê-su có trọng lượng 06 phân 08 li vàng 18Kra phổ 600 của Nguyễn Thị L trị giá 9.235.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo lấy trộm của các bị hại là 18.702.000 đồng.

[3] Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo Nguyễn Mộng B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mộng B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải cần cù lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, trở thành người có ích xã hội, tuy nhiên chỉ vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã nhiều lần lấy trộm tài sản của các bị hại để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội khi trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi 03 lần lấy trộm tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2019. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với việc cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên (bị cáo đã có hành vi lấy trộm tài sản của bà X – người trên 70 tuổi) quy định tại điểm i khoản 1

Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2019 là chưa chính xác, bởi hành vi phạm tội của bị cáo cố ý xâm phạm trực tiếp đến khách thể là quyền sở hữu tài sản, không có hành vi cố ý xâm phạm trực tiếp đến khách thể là quyền nhân thân của của bà X, do đó Hội đồng xét xử quyết định điều chỉnh không áp dụng tình tiết tăng nặng trên đối với bị cáo như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp quy định pháp luật và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong trường hợp này. Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, khi quyết định hình phạt ngoài xem xét đến tình tiết tăng nặng còn xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, tự thú các lần phạm tội trước, tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại cho các bị hại, thuộc thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cũng như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo yêu cầu xem xét cho bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, nhưng bị cáo đã không nêu được các tình tiết giảm nhẹ nào mới so với những gì cấp sơ thẩm đã xét xử nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Đối với yêu cầu xin được hưởng án treo, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo do bị cáo phạm tội nhiều lần nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo và xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Mộng B phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Mộng B; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mộng B 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Mộng B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện Châu Thành (2);
- Công an huyện Châu Thành (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1);
- Bị cáo (1);
- Người bào chữa (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

